

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ ba, ngày 3 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Dao động quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/9/2019		•	
Tuần 2/9-6/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trở lại giao dịch sau kì nghỉ lễ, VN-Index giao dịch có phần âm đạm khi sớm giảm xuống dưới mốc tham chiếu trước áp lực bán gia tăng ở các mã bluechips như VHM, GAS, SAB. Trong phiên chiều, đà giảm được mở rộng khi các mã VIC, MSN, GAS tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh và chỉ số dễ mất ngưỡng hỗ trợ 980 điểm. Thị trường có phiên giao dịch biến động theo xu hướng chung của khu vực khi mức thuế 15% lên khoảng 112 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc chính thức có hiệu lực. Mặc dù vậy, Tổng thống Trump khẳng định đàm phán song phương vẫn sẽ diễn ra theo kế hoạch trong tháng 9 này.

Hợp đồng tương lai: Hầu hết các HĐTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm đạm dù phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch tăng. VNM đang tích lũy quanh vùng giá 120-124 sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 117. Thanh khoản đang có xu hướng tăng báo hiệu khả năng phục hồi trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ có động lực tăng trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Top 10 cổ phiếu VN30 -0.2%. Hôm nay có 4/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Danh mục Top 10 cổ phiếu VN30 - gồm những cổ phiếu có độ biến động giá thấp nhất trong nhóm VN30 - hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.2%, con số này của VNINDEX là -0.5%.

Phân tích kỹ thuật: VCS_Ngưỡng cản tâm lý (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index -4.70 điểm, đóng cửa 979.36. HNX-Index -0.91 điểm, đóng cửa 101.40.
- Kéo chỉ số tăng: VNM (+0.51); FPT (+0.12); VCB (+0.11); MWG (+0.09); BHN (+0.06).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-0.48); MSN (-0.47); GAS (-0.45); HPG (-0.44); PLX (-0.27).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 2,466.97 tỷ đồng, -5.47% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.59 điểm. Thị trường có 85 mã tăng và 220 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: 12.52 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VJC (31.38 tỷ), VRE (9.96 tỷ) và TNA (9.81 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 91.27 tỷ đồng.

VN-INDEX

979.36

Giá trị: 2466.97 tỷ

-4.7 (-0.48%)

Khối ngoại (ròng): -12.52 tỷ

HNX-INDEX

101.40

Giá trị: 265.63 tỷ

-0.92 (-0.9%)

Khối ngoại (ròng): 91.27 tỷ

UPCOM-INDEX

57.31

Giá trị: 424.4 tỷ

-0.52 (-0.9%)

Khối ngoại(ròng): 9.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.5	-1.07%
Giá vàng	1,532	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,197	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,391	-1.30%
Tỷ giá JPY/VND	21,865	0.09%
LS liên NH 1 tháng	4.1%	1.93%
LS TPCP 5 năm	3.3%	#DIV/0!

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	22.9	VRE	36.8
VHM	11.4	TCD	7.8
NVL	9.5	VHC	6.8
VIC	8.1	HDB	6.1
KDH	6.2	HDC	5.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn bận khoăn với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Trong bối cảnh **VNINDEX** đi ngang, danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** thể hiện rõ tính chất an toàn:

- **11/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

* Hôm nay có **4/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Danh mục **Top 10 cổ phiếu VN30** - gồm những cổ phiếu có độ biến động giá thấp nhất trong nhóm VN30 - hôm nay có mức hiệu suất ngày **-0.2%**, con số này của **VNINDEX** là **-0.5%**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Top 10 cổ phiếu VN30_-0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	0.4%	3.3%	6.1%	1.3%	1.5%	73.0%
Nước & Năng lượng	-0.3%	-0.1%	-0.3%	-0.5%	-1.9%	11.2%	58.7%
Ngân hàng	-0.3%	-0.3%	3.1%	10.4%	2.3%	-3.1%	73.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	-0.9%	-2.2%	1.2%	3.0%	16.7%	51.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	0.8%	-1.8%	0.6%	-4.1%	1.5%	86.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.7%	-0.7%	2.8%	10.1%	4.0%	2.0%	72.8%
Hàng tiêu dùng	-0.7%	-0.1%	1.3%	7.3%	5.4%	7.0%	60.1%
Xây dựng	-1.0%	-0.3%	-1.0%	-3.3%	-13.0%	-15.1%	26.3%
BDS & Khu công nghiệp	-1.1%	0.2%	-0.1%	5.7%	0.9%	5.8%	59.9%
Chiến tranh thương mại	-1.1%	-0.8%	-0.7%	-0.9%	-4.0%	9.2%	10.8%
Vật liệu Xây dựng	-1.2%	-1.3%	-0.9%	3.6%	-3.1%	3.2%	8.1%
Dầu khí	-1.5%	-1.0%	-4.3%	-1.4%	-2.8%	-0.8%	12.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.5%	-1.3%	-3.0%	-2.6%	-8.7%	-10.3%	-6.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.1%	-2.9%	-6.7%	-6.9%	-14.2%	-14.3%	37.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 16	0.1%	1.7%	1.5%	6.8%	2.0%	4.1%	64.8%
Danh mục 1	0.1%	1.6%	4.4%	8.7%	3.8%	3.8%	69.5%
Danh mục 13	-0.1%	1.6%	2.4%	2.9%	-2.4%	1.5%	24.3%
Danh mục 10	-1.2%	0.9%	4.9%	9.8%	5.2%	4.4%	56.2%
Danh mục 18	-1.3%	-1.1%	0.4%	0.4%	-1.9%	9.2%	102.6%
* Note							

* Note **11/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	0.0%	1.8%	3.3%	8.5%	6.6%	9.5%	53.2%
Danh mục 22	-0.7%	1.6%	5.0%	12.8%	8.0%	2.4%	66.0%
Danh mục 24	-0.7%	0.9%	2.0%	9.0%	5.7%	3.5%	64.3%
Danh mục 21	-1.2%	-0.4%	1.5%	6.9%	2.3%	-0.4%	44.1%
Danh mục 25	-1.9%	-1.0%	1.1%	8.5%	9.7%	32.5%	184.4%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	-0.5%	0.3%	-1.2%	2.9%	-1.5%	-1.0%	46.4%
VN30INDEX	-0.4%	0.2%	0.4%	2.8%	-3.7%	-8.3%	34.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

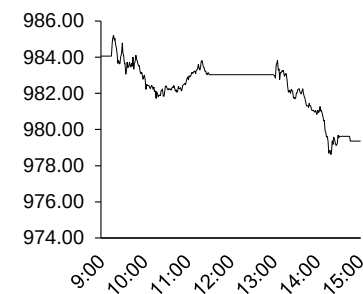
<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

9/3/2019

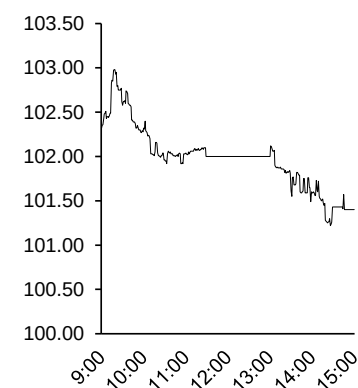
Vietnam Daily Review

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-2.3%
Hóa chất	-1.8%
Dầu khí	-1.6%
Xây dựng và Vật liệu	-1.6%
Dịch vụ tài chính	-1.0%
Bảo hiểm	-1.0%
Ô tô và phụ tùng	-0.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.6%
Bất động sản	-0.5%
Y tế	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Ngân hàng	-0.4%
Du lịch và Giải trí	-0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%
Bán lẻ	0.3%
Công nghệ Thông tin	0.8%
Truyền thông	2.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VCS_Ngưỡng cân tâm lý

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: phân kỳ âm.
- Chỉ báo RSI: giảm dần và rời khỏi vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 vẫn đang ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu VCS đang có tín hiệu điều chỉnh giảm sau khi đã tăng giá từ đầu tháng 7 cho đến nay với xuất phát điểm là nền giá 60. Cho dù EMA12 vẫn nằm trên EMA26 nhưng chỉ báo MACD và RSI đã chuyển sang trạng thái tiêu cực, báo hiệu đà tăng đang bị chững lại. Bên cạnh đó, vùng giá xung quanh 90 là ngưỡng kháng cự khá mạnh đối với cổ phiếu này. Dự kiến trong những phiên tới, VCS khả năng cao vận động tích lũy trong khu vực 85 - 90. Trong trường hợp diễn biến kém khả quan, cổ phiếu này có thể sẽ rơi xuống vùng hỗ trợ tại ngưỡng giá 75. Mặt khác, nếu vượt qua được vùng cân tâm lý, VCS sẽ tiếp cận mức giá 100, trước khi chinh phục lại đỉnh cao lịch sử đã thiết lập vào tháng 4/2018.



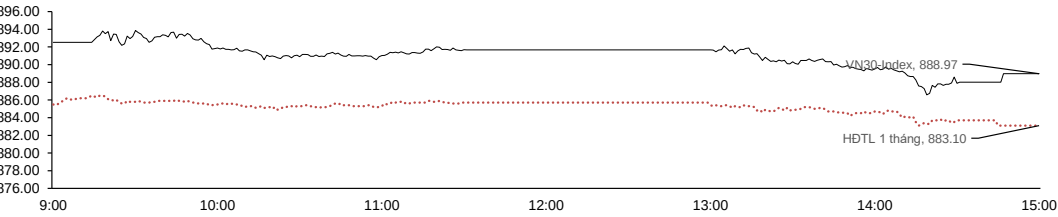
Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	883.10	-0.33%	-5.87	-30.1%	36193	9/19/2019	18
VN30F1910	884.00	-0.11%	-4.97	-16.1%	287	10/17/2019	46
VN30F1912	883.50	0.00%	-5.47	26.2%	53	12/19/2019	109
VN30F2003	881.10	-0.44%	-7.87	-44.4%	25	3/19/2020	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 3.54 điểm xuống mức 888.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, MSN, MBB, STB, và TCB tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giảm mạnh trong phiên chiều nhưng hồi phục vào cuối phiên về dưới ngưỡng 890 điểm. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật cho thấy tín hiệu tích lũy kéo dài đến trung hạn.

• Hầu hết các HDTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong trung hạn. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CFPT1901	VND	9/11/2019	8	2:1	244,350	356.6%	2,000,000	19.16%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	6	4:1	49,980	-35.4%	1,000,000	19.65%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	118	1:1	10,110	1922.0%	2,000,000	19.16%
CMWG1902	VND	12/11/2019	99	4:1	8,370	53.6%	2,400,000	19.65%
CMWG1904	SSI	9/28/2019	118	1:1	9,990	-14.2%	1,000,000	19.65%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	27	1:1	44,830	220.0%	1,000,000	19.16%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	118	5:1	90,720	52.0%	2,000,000	19.65%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	101	10:1	55,090	-65.8%	5,000,000	20.54%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	118	1:1	26,410	652.4%	1,000,000	29.75%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	99	5:1	98,160	102.4%	3,000,000	29.75%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	105	1:1	424,890	394.2%	1,000,000	20.68%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	25	1:1	96,490	17.3%	3,000,000	20.68%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	27	1:1	48,590	220.1%	1,000,000	29.75%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	7	5:1	30,890	-6.9%	1,000,000	22.68%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	7	2:1	280,930	35.8%	2,000,000	29.75%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	9	2:1	140,060	-9.8%	1,500,000	29.75%

Chú thích: * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 03/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm dù phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch tăng.

• CHPG1903 và CHPG1901 tiếp tục giảm mạnh lần lượt là 61.29% và 44.44%, áp lực bán tăng cao khi chứng quyền sắp đáo hạn vào tuần kế tiếp. Thanh khoản thị trường tăng 13%, CMBB1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 20% thị trường.

• Ngoại trừ CMWG1901 và CFPT1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. VNM đang tích lũy quanh vùng giá 120-124 sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 117. Thanh khoản đang có xu hướng tăng báo hiệu khả năng phục hồi trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ có động lực tăng trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	124.00	0.81	0.71
FPT	53.70	1.13	0.45
MWG	117.60	0.60	0.28
REE	36.90	0.68	0.06
PNJ	82.40	0.24	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	21.7	-2.48	-1.27
MSN	74.0	-1.86	-0.91
MBB	22.8	-1.30	-0.53
STB	10.2	-1.92	-0.48
TCB	21.4	-0.47	-0.32

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
1,900	4,720	6.07%	4,796.00
2,000	7,070	2.46%	7,342.20
6,000	13,120	0.00%	9,341.80
2,990	8,850	0.00%	7,190.50
14,000	34,950	-0.11%	28,992.20
3,800	8,740	-0.46%	8,723.50
2,700	5,790	-0.69%	4,815.60
1,200	730	-1.35%	8.30
3,300	3,600	-3.23%	1,010.60
1,000	460	-6.12%	-
3,200	3,200	-7.25%	1,760.70
1,900	2,450	-9.26%	2,235.90
2,200	1,490	-13.37%	233.70
1,700	1,120	-34.12%	750.90
1,200	200	-44.44%	19.10
1,500	120	-61.29%	17.00

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1901	27,000	44,154	53,700
CMWG1901	96,300	88,300	117,600
CFPT1903	56,154	45,140	53,700
CMWG1902	48,130	90,000	117,600
CMWG1904	165,000	90,000	117,600
CFPT1902	96,981	45,140	53,700
CMWG1903	25,800	95,000	117,600
CVNM1901	46,340	158,888	124,000
CHPG1905	93,300	23,100	21,650
CHPG1902	168,888	41,999	21,650
CMBB1902	26,300	21,800	22,800
CMBB1901	23,700	20,600	22,800
CHPG1904	98,800	23,100	21,650
CPNJ1901	26,300	77,981	82,400
CHPG1901	47,999	22,900	21,650
CHPG1903	22,100	23,200	21,650

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.6	0.6%	0.7	2,263	3.4	7,893	14.9	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.4	0.2%	1.0	798	1.3	4,727	17.4	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	75.5	-0.7%	1.3	2,301	0.3	1,505	50.2	3.4	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.7	-3.7%	0.7	339	1.0	3,061	11.0	1.2	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	123.0	-0.4%	1.1	17,893	0.9	1,643	74.8	5.0	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.3	-0.6%	1.1	3,468	1.2	1,033	33.2	2.8	32.2%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.1	-0.3%	0.8	2,512	1.3	3,579	17.3	2.9	7.3%	17.8%
REE	Bất động sản	36.9	0.7%	1.0	497	1.1	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.0	-3.2%	1.4	340	0.9	2,944	5.1	1.2	46.3%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.5	-0.2%	1.3	474	0.5	1,997	10.7	1.2	57.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	31.3	-4.7%	1.0	223	0.0	5,067	6.2	1.4	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.7	-1.4%	1.5	274	0.4	1,434	14.4	1.5	56.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.7	1.1%	0.8	1,584	3.2	4,349	12.3	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.0	-1.1%	0.4	476	0.0	3,778	11.6	2.9	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	99.8	-0.8%	1.5	8,305	0.7	6,066	16.5	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.7	-1.3%	1.5	3,143	0.5	3,350	18.1	3.6	13.2%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.5	-1.4%	1.7	426	1.7	2,351	8.7	0.8	23.5%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.4	-1.1%	0.8	1,267	0.4	1,163	8.1	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.6	-1.0%	0.5	526	0.0	4,616	20.1	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	-0.4%	0.7	232	0.2	853	16.0	0.7	19.4%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.5	3.4%	0.7	195	0.5	897	9.4	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	77.8	0.1%	1.3	12,546	2.0	4,729	16.5	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	38.7	-0.1%	1.5	5,752	1.4	2,091	18.5	2.4	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.0	-1.2%	1.6	3,230	1.4	1,470	13.6	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.3	0.0%	1.2	2,168	1.0	2,989	6.8	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.8	-1.3%	1.1	2,095	8.7	3,215	7.1	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.1	-0.5%	1.1	1,558	0.5	3,438	6.4	1.5	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	49.3	-1.4%	0.9	175	0.1	5,017	9.8	1.7	77.0%	17.1%
NTP	Nhựa	37.2	-1.8%	0.3	144	0.0	4,490	8.3	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.0	-1.2%	1.2	626	0.0	732	21.9	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.7	-2.5%	1.0	2,599	5.1	2,760	7.8	1.4	37.8%	19.9%
HSG	Thép	6.8	-0.6%	1.5	125	0.5	425	15.9	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	124.0	0.8%	0.8	9,388	4.0	5,465	22.7	7.6	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	272.4	-0.2%	0.8	7,595	0.1	6,735	40.4	10.0	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.0	-1.9%	1.2	3,761	0.9	3,304	22.4	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.5	0.0%	0.5	377	0.9	542	30.5	1.5	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	81.2	-1.6%	0.8	7,686	0.3	2,630	30.9	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.0	0.0%	1.1	3,006	3.8	9,850	13.4	5.1	18.6%	43.3%
HVN	Vận tải	36.0	-0.7%	1.7	2,220	0.5	1,747	20.6	2.8	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.4	-0.9%	0.8	366	0.8	1,888	15.0	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.1	-0.6%	0.6	209	0.8	2,505	6.8	1.2	30.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.5	-2.2%	0.9	597	1.0	7,667	11.4	4.5	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.7	0.0%	0.9	365	0.2	1,333	14.0	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	0.0%	0.8	254	0.0	1,657	9.2	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	93.8	-1.0%	0.8	311	0.1	13,535	6.9	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	25.8	-2.3%	1.1	495	0.2	1,307	19.7	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.7	-1.7%	0.5	223	0.7	387	53.5	1.0	52.2%	1.9%
POW	Điện	12.9	0.0%	0.6	1,313	0.2	820	15.7	1.2	14.8%	7.8%
NT2	Điện	25.4	-0.4%	0.6	318	0.1	2,241	11.3	1.8	21.8%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	124.00	0.81	0.51	744840.00
FPT	53.70	1.13	0.12	1.36MLN
VCB	77.80	0.13	0.11	580830.00
MWG	117.60	0.60	0.09	672220.00
BHN	94.00	1.08	0.07	10300.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDJ	7.20	9.09	0.02	491100.00
C69	18.30	9.80	0.01	39600.00
SJE	23.10	3.59	0.01	100.00
SJ1	18.30	6.40	0.01	100.00
TKC	19.70	6.49	0.01	3300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	123.00	-0.40	-0.49	174400.00
MSN	74.00	-1.86	-0.48	290930.00
GAS	99.80	-0.80	-0.45	159010.00
HPG	21.65	-2.48	-0.45	5.37MLN
PLX	60.70	-1.30	-0.31	191130.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.10	-0.45	-0.17	484600.00
SHB	6.20	-1.59	-0.11	2.42MLN
L14	63.00	-10.00	-0.09	277200.00
PVS	20.50	-1.44	-0.08	1.91MLN
VCS	87.50	-2.23	-0.07	258400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	7.49	7.00	0.00	540.00
RAL	82.90	6.97	0.02	19450.00
TPC	10.30	6.96	0.01	1320.00
YEG	54.00	6.93	0.03	174570.00
MCP	20.90	6.91	0.01	7390.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.70	16.7	0.00	251100.00
VIG	1.00	11.1	0.00	1600.00
S74	4.40	10.0	0.00	100.00
BTW	25.50	9.9	0.01	2600.00
VDL	23.40	9.9	0.01	135300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
D2D	74.40	-7.00	-0.04	415230.00
SCD	29.30	-6.98	-0.01	6240.00
AGF	3.34	-6.96	0.00	200.00
HRC	36.10	-6.96	-0.02	2800.00
PHR	64.20	-6.96	-0.19	660630.00

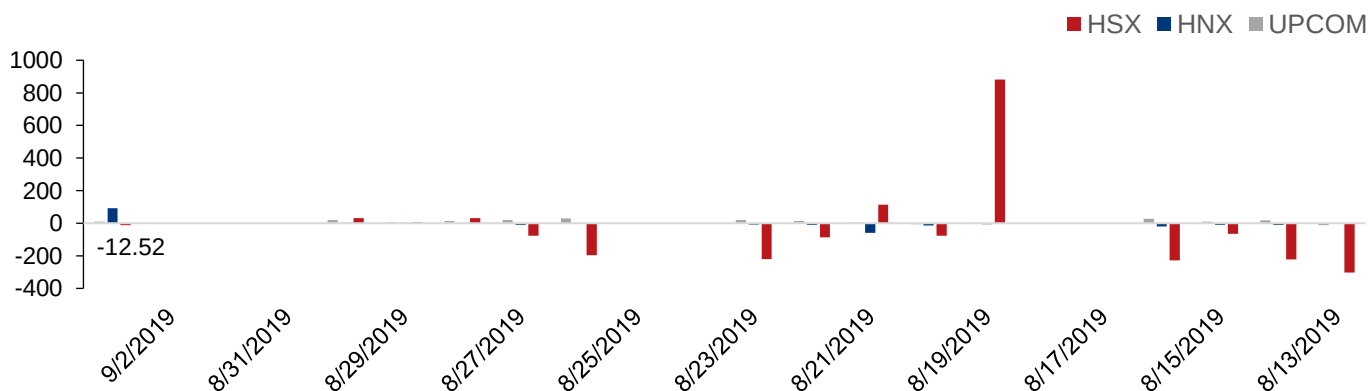
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	517800.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	58300.00
BAX	59.40	-10.00	-0.02	20700.00
L14	63.00	-10.00	-0.09	277200.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	104700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.0	3,705	7.3	2.0	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	53.7	4,349	12.3	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.1	649	21.7	1.2	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	117.6	7,893	14.9	5.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	82.4	4,727	17.4	4.5	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	51.8	5,276	9.8	2.8	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.2	4,234	6.9	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.1	3,438	6.4	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.7	3,181	5.6	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	15.9	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	42.2	4,314	9.8	2.9	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	74.0	3,304	22.4	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.1	7,716	20.4	10.5	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.4	1,888	15.0	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	117.6	7,893	14.9	5.0	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.0	3,760	8.0	1.5	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	78.6	18,865	4.2	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.1	1,295	17.0	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.0	3,437	5.2	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

